

Số: *02* /QĐ-UBND

Yên Bái, ngày *03* tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị thị trấn
Cổ Phúc, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021-2025,
định hướng đến năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

Căn cứ Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị;

Căn cứ Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 07/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh định hướng quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 950/QĐ-TTg ngày 01/08/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018-2025 định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Thông tư số 12/2014/TT-BXD ngày 25/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn lập, thẩm định và phê duyệt chương trình phát triển đô thị;

Căn cứ Quyết định số 2598/QĐ-UBND ngày 25/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Yên Bái đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 2533/QĐ-UBND ngày 26/11/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái phê duyệt đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Cổ Phúc và vùng phụ cận đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2614/QĐ-UBND ngày 04/11/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái;

Căn cứ Quyết định số 116/QĐ-UBND ngày 25/1/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Yên Bái đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2449/QĐ-UBND ngày 08/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt đề cương nhiệm vụ và dự toán kinh phí lập Chương trình phát triển đô thị thị trấn Cổ Phúc, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3076/TTr-SXD ngày 23/12/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình phát triển đô thị thị trấn Cổ Phúc, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, với nội dung như sau:

1. Tên chương trình: Chương trình phát triển đô thị thị trấn Cổ Phúc, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

2. Phạm vi nghiên cứu và thời hạn chương trình

2.1. Phạm vi, ranh giới nghiên cứu

- Phạm vi nghiên cứu lập chương trình phát triển đô thị bao gồm: Thị trấn Cổ Phúc và một phần các xã: Việt Thành, Nga Quán, Minh Quán, Hòa Công, Y Can.

Tổng diện tích đất tự nhiên 813,82 ha, bao gồm: Thị trấn Cổ Phúc 426,07ha; Vùng phụ cận, gồm một phần các xã: Việt Thành 18,92 ha, Nga Quán 62,32 ha, Minh Quán 54,35 ha, Hòa Công 82,74 ha, Y Can 169,42 ha.

- Ranh giới: Phía Bắc, Tây Bắc giáp thôn Phú Mỹ, thôn Trúc Đình, xã Việt Thành; Phía Đông, Đông Bắc giáp thôn 1 xã Minh Quán, thôn 6 xã Hòa Công; Phía Nam giáp xã Nga Quán; Phía Tây Nam giáp đường tỉnh 166.

2.2. Thời hạn: Giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

3. Quan điểm và mục tiêu phát triển đô thị

3.1. Quan điểm

- Xây dựng và phát triển thị trấn Cổ Phúc trở thành đô thị loại IV trên cơ sở kết hợp hài hòa giữa cải tạo và xây dựng mới theo hướng đồng bộ, bền vững, đảm bảo kiến trúc cảnh quan đô thị và thân thiện môi trường.

- Phát triển đô thị thị trấn Cổ Phúc đáp ứng yêu cầu chuyển dịch kinh tế, cơ cấu lao động, phân bố dân cư hợp lý giữa các khu vực trong đô thị; đảm bảo sử dụng hiệu quả quỹ đất xây dựng, từng bước đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, nâng cao chất lượng sống của người dân.

3.2. Mục tiêu phát triển đô thị

- Cụ thể hóa định hướng phát triển hệ thống đô thị theo quy hoạch xây dựng vùng tỉnh và quy hoạch vùng huyện; Quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội huyện Trấn Yên đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; phù hợp với chương trình phát triển đô thị của tỉnh Yên Bái đến năm 2030.

- Xây dựng kế hoạch, lộ trình phát triển cơ sở hạ tầng đô thị theo quy hoạch, có kế hoạch và phát huy những lợi thế có sẵn phù hợp với quy hoạch chung xây dựng đô thị được duyệt. Khai thác sử dụng hiệu quả các nguồn lực; phấn đấu thị trấn Cổ Phúc đạt chuẩn tiêu chí đô thị loại IV trước năm 2025.

- Đảm bảo nâng cao chất lượng cuộc sống dân cư, diện mạo kiến trúc cảnh quan đô thị theo hướng văn minh, đồng bộ, bền vững và giữ gìn những giá trị bản sắc văn hóa truyền thống.

4. Các chỉ tiêu chính về phát triển đô thị

4.1. Về giai đoạn phát triển đô thị

- Giai đoạn năm 2021-2025: Thực hiện hoàn thành 53/59 tiêu chuẩn, bằng 90% các tiêu chuẩn đô thị loại IV.

- Giai đoạn năm 2026-2030: Thực hiện hoàn thành 55/59 tiêu chuẩn, bằng 93% các tiêu chuẩn đô thị loại IV.

4.2. Về chất lượng đô thị

a) Đến năm 2025:

- Diện tích sàn nhà ở đô thị bình quân đạt 30 m²/người.
- Tỷ lệ nhà kiên cố đạt 98%.
- Tỷ lệ đất giao thông so với diện tích đất xây dựng đô thị đạt 14,5% trở lên.
- Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng đạt 2% trở lên.
- Tỷ lệ dân cư đô thị được cấp nước sạch đạt 98%.
- Tiêu chuẩn cấp nước đô thị đạt 130 lít/người/ngày.đêm.
- Tỷ lệ bao phủ của hệ thống thoát nước đạt 90%.
- Tỷ lệ các cơ sở sản xuất mới áp dụng công nghệ sạch hoặc trang bị các thiết bị giảm ô nhiễm đạt 100%; tỷ lệ các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý đạt 100%.
- Tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch <18%.
- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt của đô thị, khu, cụm công nghiệp được thu gom và xử lý đạt 100%; tỷ lệ chất thải rắn y tế nguy hại được thu gom và xử lý đảm bảo tiêu chuẩn môi trường đạt 100%;
- Tỷ lệ chiếu sáng đường chính đạt 100%.

- Tỷ lệ chiếu sáng ngõ hẻm đạt 85%.
- Đất cây xanh đô thị đạt 6 m²/người trở lên.
- Đất cây xanh công cộng khu vực nội thị đạt 5 m²/người trở lên.

b) Đến năm 2030:

- Diện tích sàn nhà ở đô thị bình quân đạt 32 m²/người.
- Tỷ lệ nhà kiên cố đạt 98%.
- Tỷ lệ đất giao thông so với diện tích đất xây dựng đô thị đạt 20% trở lên.
- Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng đạt 2% trở lên.
- Tỷ lệ dân cư đô thị được cấp nước sạch đạt 100%.
- Tiêu chuẩn cấp nước đô thị đạt 130 lít/người/ngày.đêm.
- Tỷ lệ bao phủ của hệ thống thoát nước đạt 90%.
- Tỷ lệ các cơ sở sản xuất mới áp dụng công nghệ sạch hoặc trang bị các thiết bị giảm ô nhiễm đạt 100%; tỷ lệ các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý đạt 100%.
- Tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch <18%.
- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt của đô thị, khu, cụm công nghiệp được thu gom và xử lý đạt 100%; tỷ lệ chất thải rắn y tế nguy hại được thu gom và xử lý đảm bảo tiêu chuẩn môi trường đạt 100%.
- Tỷ lệ chiếu sáng đường chính đạt 100%;
- Tỷ lệ chiếu sáng ngõ hẻm đạt 90%.
- Đất cây xanh đô thị đạt 7 m²/người trở lên.
- Đất cây xanh công cộng khu vực nội thị đạt 5 m²/người trở lên.

5. Danh mục và lộ trình thực hiện các khu vực phát triển đô thị

5.1. Danh mục các khu vực phát triển đô thị

Theo Quy hoạch chung thị trấn Cổ Phúc và vùng phụ cận, tỷ lệ 1/5000 được phân chia thành 05 ô quy hoạch, bao gồm:

- Ô quy hoạch C1: Là khu vực đô thị hiện hữu ở trung tâm thị trấn; là khu chỉnh trang kết hợp phát triển mới, có diện tích 132,921ha, dân số khoảng 4.920 người. Chỉ tiêu đất đơn vị ở (đến năm 2030) khoảng 106,7m²/người.

- Ô quy hoạch C2: Là khu vực đô thị hiện hữu ở phía Nam thị trấn; là khu chỉnh trang kết hợp phát triển mới, có diện tích 119,543ha, dân số khoảng 4.391 người. Chỉ tiêu đất đơn vị ở (đến năm 2030) khoảng 108,8m²/người.

- Ô quy hoạch C3: Là khu vực phát triển đô thị mới về phía Nam của thị trấn, có diện tích 151,961ha, dân số khoảng 3.429 người. Chỉ tiêu đất đơn vị ở (đến năm 2030) khoảng 105,7m²/người.

- Ô quy hoạch NQ (khu vực xã Nga Quán): Là khu vực phát triển đô thị mới về phía Bắc của thị trấn, có diện tích 118,525ha, dân số khoảng 2.316 người. Chỉ tiêu đất đơn vị ở (đến năm 2030) khoảng 133,33m²/người.

- Ô quy hoạch YC (khu vực xã Y Can): Là khu vực phát triển đô thị mới bên xã Y Can, phía Tây của thị trấn, có diện tích 186,350ha, dân số khoảng 4.957 người. Chỉ tiêu đất đơn vị ở (đến năm 2030) khoảng 118,2m²/người.

5.2. Lộ trình thực hiện các khu vực phát triển đô thị

a) *Giai đoạn 2022 - 2025*: Thực hiện ô quy hoạch C1; ô quy hoạch C3; ô quy hoạch YC (khu vực xã Y Can).

b) *Giai đoạn 2026 - 2030*: Thực hiện quy hoạch C2; ô quy hoạch NQ (khu vực xã Nga Quán).

6. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư trong giai đoạn 2022-2025; giai đoạn 2026-2030 và nhu cầu vốn đầu tư dự kiến

6.1. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư theo từng giai đoạn

(Có phụ lục danh mục chi tiết kèm theo).

6.2. Tổng nhu cầu vốn đầu tư dự kiến

Trên cơ sở danh mục các dự án ưu tiên đầu tư theo từng giai đoạn tổng mức đầu tư dự kiến là 427,60 tỷ đồng, trong đó:

- Phân theo nguồn vốn: Ngân sách tỉnh 116,75 tỷ đồng; Ngân sách huyện 110,85 tỷ đồng; các nguồn vốn hợp pháp khác: 200 tỷ đồng.

- Phân theo giai đoạn:

+ Giai đoạn 2022-2025: Tổng nhu cầu vốn đầu tư dự kiến là 277,60 tỷ đồng, (trong đó: Ngân sách tỉnh 76,75 tỷ đồng; ngân sách huyện 50,85 tỷ đồng; các nguồn vốn hợp pháp khác: 150 tỷ đồng).

+ Giai đoạn 2026-2030: Tổng nhu cầu vốn đầu tư dự kiến là 150 tỷ đồng, (trong đó: Ngân sách tỉnh: 40 tỷ đồng; ngân sách huyện: 60 tỷ đồng; các nguồn vốn hợp pháp khác: 50 tỷ đồng).

7. Giải pháp thực hiện chương trình phát triển đô thị

7.1. Giải pháp về quy hoạch, quản lý xây dựng và kiến trúc đô thị

- Tổ chức rà soát, kiểm tra tất cả các đồ án quy hoạch hiện có và đang tiến hành thực hiện. Thống kê các quy hoạch đã hết hạn, đến giai đoạn cần điều chỉnh để đề xuất điều chỉnh.

- Thực hiện điều chỉnh các quy hoạch không phù hợp, điều chỉnh các quy hoạch đã được lập từ lâu không còn phù hợp với tình hình phát triển và định hướng phát triển mới trong giai đoạn 2022-2025. Tập trung xây dựng, hoàn thiện các quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 đảm bảo sự thống nhất về tổng thể, gắn kết hài hòa giữa các khu vực phát triển mới với khu vực cũ và các khu vực khác.

- Đẩy nhanh tiến độ lập, thẩm định và phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết các dự án đầu giá quyền sử dụng đất tập trung. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về công tác quy hoạch theo phân cấp.

- Thực hiện Chương trình phát triển đô thị, xây dựng thị trấn Cổ Phúc cơ bản đạt tiêu chí loại IV. Nghiên cứu các giải pháp nhằm tăng mật độ dân số, chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất và phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

- Lập các chương trình, đề án:

- + Triển khai lập Đề án đề nghị công nhận thị trấn Cổ Phúc đạt tiêu chí đô thị loại IV (dự kiến trong giai đoạn 2023-2024).

- + Lập, ban hành Quy chế quản lý kiến trúc đô thị thị trấn Cổ Phúc theo điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Cổ Phúc được phê duyệt.

- Hoàn thiện và thực hiện tốt công tác công bố công khai các đồ án quy hoạch, đẩy mạnh việc kiểm tra, giám sát, đảm bảo việc thực hiện nghiêm túc các quy hoạch theo đúng hồ sơ được phê duyệt.

- Lập các khu vực phát triển đô thị để đầu tư phát triển hạ tầng đô thị theo các đồ án quy hoạch được duyệt; đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, tạo bước đột phá trong phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật khung.

7.2. Giải pháp về huy động nguồn vốn

- Thực hiện thu hút đầu tư vào các dự án sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thị trấn; chú trọng và khuyến khích các dự án phát huy tiềm năng lợi thế của thị trấn, các dự án có tính đột phá, tạo động lực cho sự phát triển của thị trấn.

- Tranh thủ tối đa các nguồn vốn hỗ trợ từ Trung ương, nguồn vốn ngân sách và tín dụng ưu đãi để hỗ trợ đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.

- Xây dựng danh mục các dự án kêu gọi vốn đầu tư nước ngoài, trong đó xác định rõ các ngành, lĩnh vực, sản phẩm ưu tiên; tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư triển khai dự án.

- Phối hợp chặt chẽ với các Sở, ban ngành triển khai các công trình, dự án do sở, ngành đang triển khai thực hiện trên địa bàn đúng kế hoạch được duyệt.

- Đề ra các chính sách ưu đãi cho các nhà đầu tư về thuế, cơ sở hạ tầng, giải phóng mặt bằng, mở rộng các hình thức đầu tư khác để thu hút vốn của doanh nghiệp...

- Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính tạo điều kiện thuận lợi và thông thoáng để thu hút các dự án đầu tư vào phát triển sản xuất kinh doanh trên địa bàn.

- Đổi mới cơ chế, chính sách để huy động mạnh nguồn lực đất đai vào phát triển hạ tầng. Bổ sung và ban hành mới các cơ chế chính sách phát triển đô thị phù hợp trong từng giai đoạn.

7.3. Giải pháp quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

- Tích cực thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường; tiếp tục hoàn thiện các chương trình, phương án và kế hoạch bảo vệ môi trường. Chủ động phòng ngừa, giảm thiểu ô nhiễm môi trường nước, không khí, kiểm soát nguồn phát thải

từ đầu nguồn; tập trung các nguồn lực để đầu tư các công trình xử lý chất thải, nước thải đô thị.

- Triển khai đồng bộ các giải pháp trong quản lý, đảm bảo khai thác có hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên, lập kế hoạch báo cáo đề xuất thị trấn di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường và các cơ sở không phù hợp với quy hoạch đô thị.

- Thực hiện có hiệu quả phương án nâng cao chất lượng vệ sinh môi trường trên địa bàn thị trấn giai đoạn 2022-2025; tập trung xử lý, nâng cao chất lượng môi trường trong khu dân cư và trong sản xuất nông nghiệp. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường với các doanh nghiệp, hộ gia đình và các cá nhân sản xuất kinh doanh có ảnh hưởng đến môi trường.

7.4. Các giải pháp về văn hóa - xã hội và quốc phòng - an ninh

- Tăng cường công tác truyền thông, tuyên truyền về Chương trình phát triển đô thị thị trấn Cô Phúc.

- Quan tâm đến phát triển kinh tế nhưng vẫn đảm bảo an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững đạt tiêu chí tối đa đối với đô thị loại IV.

- Đẩy mạnh công tác đào tạo nghề, chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng giảm tối đa tỷ lệ lao động nông nghiệp, tăng tối đa tỷ lệ lao động trong các ngành thương mại - dịch vụ, công nghiệp - xây dựng.

- Bảo tồn, khai thác và phát huy tốt các giá trị văn hóa của các khu di tích trên địa bàn thị trấn nhằm giữ gìn truyền thống văn hóa; thực hiện tốt nếp sống văn minh đô thị.

- Kết hợp nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng - an ninh, nhất là các khu vực trọng điểm.

7.5. Giải pháp tăng cường công tác quản lý đô thị, chỉnh trang đô thị

- Thực hiện tốt công tác đảm bảo trật tự và văn minh đô thị, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ 100% các công trình xây dựng trên địa bàn, nhất là các công trình xây dựng theo dự án vốn ngoài ngân sách, công trình xây dựng trong các khu đô thị, xử lý các công trình vi phạm trật tự xây dựng.

- Tăng cường công tác quản lý đất đai, xử lý các vấn đề còn tồn tại trong công tác quản lý, sử dụng đất công, giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Thực hiện tốt việc lập hồ sơ quản lý đất đai, hàng năm có kế hoạch sử dụng đất hợp lý, hiệu quả, phù hợp với quy hoạch; thường xuyên tiến hành kiểm kê, theo dõi, nắm chắc những biến động về đất đai.

- Đẩy mạnh công tác cải tạo, chỉnh trang đô thị, góp phần cải thiện bộ mặt đô thị, cải tạo các lòng đường, hè phố. Thực hiện công tác đảm bảo vệ sinh môi trường đô thị. Chú trọng việc trồng cây xanh nhằm tăng diện tích cây xanh trong các khu dân cư, khu đô thị.

7.6. Các giải pháp về đào tạo, quản lý nhân lực

- Xây dựng hệ thống những người quản lý nhân lực có năng lực lãnh đạo, quản lý và vận hành tốt bộ máy chính trị, có năng lực, phẩm chất đạo đức tốt, có

khả năng vận động nhân dân trong thị trấn thực hiện và góp phần đổi mới, xây dựng, phát triển thị trấn đạt mục tiêu đề ra.

- Đẩy mạnh các hoạt động giúp nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cũng như đưa các khóa đào tạo, cải thiện trình độ, kỹ năng quản lý hành chính và quản lý đô thị.

- Tập trung đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn lao động trong lĩnh vực nông nghiệp nhằm tăng tỷ lệ lao động phi nông nghiệp của thị trấn.

- Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp cũng như các cơ sở đào tạo nghề về mặt bằng, trang thiết bị kỹ thuật, thông tin; xây dựng chính sách hỗ trợ về tài chính, tín dụng, các chính sách ưu đãi về thuế để giảm bớt chi phí đầu vào.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả trong công tác đào tạo nghề trên địa bàn. Đẩy mạnh việc thực hiện chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng giảm dần tỷ trọng ngành nông nghiệp, tăng dần tỷ trọng ngành thương mại, dịch vụ, công nghiệp - xây dựng, nâng cao chất lượng lao động nông thôn.

7.7. Các giải pháp về thủ tục hành chính

- Cải cách thủ tục hành chính, thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, hiện đại hóa dịch vụ hành chính công để tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện các thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp.

- Tập trung thực hiện hiệu quả các chương trình cải cách hành chính nhà nước, cơ chế một cửa, một cửa liên thông, đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng

- Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Trấn Yên, các sở, ngành liên quan tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các dự án thuộc Chương trình.

- Phối hợp, hướng dẫn Ủy ban nhân dân huyện Trấn Yên tổ chức triển khai thực hiện các nội dung của Chương trình phát triển đô thị thị trấn Cổ Phúc sau khi được phê duyệt, đồng thời theo dõi, đánh giá quá trình thực hiện Chương trình.

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các quy hoạch, danh mục dự án cần thực hiện đầu tư, dự án đầu tư thuộc thẩm quyền để triển khai thực hiện Chương trình.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Trên cơ sở Chương trình phát triển đô thị thị trấn Cổ Phúc được phê duyệt, đề xuất kế hoạch đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng hàng năm, bố trí nguồn vốn trong khả năng cân đối của ngân sách tỉnh.

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh kiến nghị với các bộ, ngành Trung ương, các cơ quan liên quan huy động và tổng hợp nguồn lực thực hiện mục tiêu Chương trình; tham mưu huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách.

- Thẩm định, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án thuộc thẩm quyền để triển khai thực hiện.

3. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và Ủy ban nhân dân huyện Trấn Yên trong việc bố trí vốn hàng năm cho Chương trình phát triển đô thị.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường

Trên cơ sở Quy hoạch sử dụng đất và Chương trình phát triển đô thị thị trấn Cổ Phúc được duyệt, phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Trấn Yên rà soát, đối chiếu các số liệu kiểm kê đất đai, kế hoạch sử dụng đất theo lộ trình phát triển đô thị cho từng giai đoạn.

5. Các sở, ban, ngành liên quan

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách và chỉ đạo triển khai thực hiện các chính sách có liên quan đến quản lý phát triển đô thị.

Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra Ủy ban nhân dân huyện Trấn Yên thực hiện các dự án thuộc lĩnh vực của từng sở, ban, ngành quản lý trong phạm vi của Chương trình; đồng thời tham gia huy động nguồn lực để phát triển kết cấu hạ tầng đô thị thị trấn Cổ Phúc.

6. Ủy ban nhân dân huyện Trấn Yên

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn triển khai thực hiện Chương trình phát triển đô thị thị trấn Cổ Phúc sau khi được phê duyệt.

- Theo dõi, giám sát việc thực hiện Chương trình, tổng hợp kết quả thực hiện báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh; chủ động rà soát và đề xuất các biện pháp điều chỉnh, bổ sung để bảo đảm tính hiệu quả của các dự án đầu tư.

- Rà soát năng lực cán bộ, sắp xếp, bố trí cán bộ tham gia thực hiện Chương trình theo chức năng nhiệm vụ để triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình phát triển đô thị.

- Ban hành, chỉ đạo, tuyên truyền vận động toàn hệ thống chính trị, nhân dân trong huyện triển khai thực hiện tốt Quy chế quản lý kiến trúc đô thị; đẩy mạnh công tác xây dựng và công nhận các tuyến phố văn minh đô thị.

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn theo chức năng nhiệm vụ được phân cấp, căn cứ danh mục các dự án đầu tư của Chương trình, chủ động xây dựng kế hoạch đầu tư theo từng giai đoạn và kế hoạch hàng năm để triển khai thực hiện Chương trình.

- Tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư trong khu vực phát triển đô thị; nghiên cứu, đề xuất các chính sách ưu đãi, cơ chế áp dụng đối với hoạt động đầu tư xây dựng trong khu vực phát triển đô thị.

- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu, cung cấp thông tin về khu vực phát triển đô thị; tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh định kỳ theo quy định hoặc theo yêu cầu về tình hình thực hiện các dự án đầu tư và kế hoạch thực hiện các dự án phát triển đô thị.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Trấn Yên và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *ph*

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Trung tâm điều hành thông minh;
- Phó CVP.UBND (KT);
- Lưu: VT, XD. *ng*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Huy Tuấn



PHỤ LỤC
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN THỊ TRẤN CỎ PHÚC GIAI ĐOẠN 2022-2025 VÀ GIAI ĐOẠN 2026-2030
 (Kèm theo Quyết định số: 02 /QĐ-UBND ngày 03 /11/2022 của UBND tỉnh Yên Bái)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục đầu tư	Quy mô xây dựng dự kiến	Tổng mức đầu tư dự kiến	Giai đoạn 2022 - 2025				Giai đoạn 2026 - 2030			
				Tổng số	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Các nguồn vốn hợp pháp khác	Tổng số	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Các nguồn vốn hợp pháp khác
	Tổng số:		427.600	277.600	76.750	50.850	150.000	150.000	40.000	60.000	50.000
I	Quy hoạch, đề án, chương trình phát triển đô thị		17.700	17.700	2.850	14.850					
1	Điều chỉnh đồ án quy hoạch chung thị trấn Cỏ Phúc và vùng phụ cận đến năm 2035		5.000	5.000	2.500	2.500					
2	Quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết đô thị		10.000	10.000		10.000					
3	Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị		500	500		500					
4	Chương trình phát triển đô thị		700	700	350	350					
5	Đề án công nhận đô thị loại V; loại IV		1.500	1.500		1.500					
II	Công trình hạ tầng kỹ thuật		149.900	89.900	63.900	26.000		60.000	30.000	30.000	
1	Giao thông		17.500	17.500	11.500	6.000					
1.1	Nâng cấp đường Đàm Vối	Chiều dài L=0,5km; Bm=7,5m	8.500	8.500	8.500						
1.2	Nâng cấp đường Sông Thao	Chiều dài L= 2,2 km; Bm=7,5m	6.000	6.000	3.000	3.000					
1.3	Nâng cấp đường từ trường DTNT đến ga Cỏ Phúc	Chiều dài L= 1,0 km; Bm=7,5m	3.000	3.000		3.000					
2	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước thị trấn Cỏ Phúc	Chiều dài L= 5 km	30.000	30.000	15.000	15.000					
3	Lát vỉa hè, điện chiếu sáng, hệ thống thoát nước đường từ cầu Nghĩa Phương đến ranh giới xã Việt Thành	Chiều dài L=1,5 km	7.000	7.000	7.000						



STT	Danh mục đầu tư	Quy mô xây dựng dự kiến	Tổng mức đầu tư dự kiến	Giai đoạn 2022 - 2025				Giai đoạn 2026 - 2030			
				Tổng số	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Các nguồn vốn hợp pháp khác	Tổng số	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Các nguồn vốn hợp pháp khác
4	Cấp nước sinh hoạt		53.000	13.000	8.000	5.000		40.000	20.000	20.000	
4.1	Nâng cấp hệ thống cấp nước thị trấn Cỏ Phúc	Đường ống cấp 1 L=5km; đường ống cấp 2 L=16 km	13.000	13.000	8.000	5.000					
4.2	Xây dựng Nhà máy nước thị trấn Cỏ Phúc (Ngòi Gù xã Y Can)	TCS 3500 m3/ngđ	40.000					40.000	20.000	20.000	
5	Nước thải và VSMT		42.400	22.400	22.400			20.000	10.000	10.000	
5.1	Lò đốt rác tại Y Can	TCS 35 tấn/ngđ	22.400	22.400	22.400						
5.2	công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung	TCS 200 m3/ng.đ	20.000					20.000	10.000	10.000	
III	Công trình hạ tầng xã hội		260.000	170.000	10.000	10.000	150.000	90.000	10.000	30.000	50.000
1	Cải tạo, nâng cấp sân vận động trung tâm huyện		20.000					20.000		20.000	
2	Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện	Diện tích S=0,5ha	20.000					20.000	10.000	10.000	
3	Xây dựng Chợ trung tâm huyện (Hạng II)	Diện tích S=1,4ha	150.000	100.000			100.000	50.000			50.000
4	Xây dựng siêu thị tổng hợp (Hạng II)	Diện tích S=0,6ha	50.000	50.000			50.000				
5	Cải tạo, nâng cấp công viên đầm với	Diện tích S=4,2ha	20.000	20.000	10.000	10.000					